

## SAUSSURE VÀ VĂN CHƯƠNG: TRƯỜNG HỢP GIÁO TRÌNH NGÔN NGỮ HỌC ĐẠI CƯƠNG VÀ CÔNG TRÌNH TÍNH HAI MẶT CỦA NGÔN NGỮ

Nhận bài:

31 – 12 – 2016

Chấp nhận đăng:

20 – 02 – 2017

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Nguyễn Quốc Thắng

**Tóm tắt:** Từ việc xác định các phạm vi khác nhau để làm rõ tư tưởng của Saussure về văn chương như: vị trí của văn chương trong các văn bản của Saussure, những nền tảng về lí thuyết ngôn ngữ học của Saussure đối với lí thuyết văn chương, bài viết tập trung phân tích những nội dung liên quan đến văn chương trong *Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương* và công trình *Tính hai mặt của ngôn ngữ*. Qua đó, chúng tôi đặt ra một số vấn đề nghiên cứu về văn chương từ tư tưởng của Saussure. Quá trình phân tích này cho phép khẳng định tầm quan trọng của ngôn ngữ học trong nghiên cứu văn chương và vai trò của các văn bản văn chương trong nghiên cứu ngôn ngữ.

**Từ khóa:** Ferdinand de Saussure; *Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương*; *Tính hai mặt của ngôn ngữ*; văn chương; diễn ngôn; ký hiệu học về huyền thoại.

### 1. Đặt vấn đề

Được xem là hiện thân của hệ hình cấu trúc luận, Ferdinand de Saussure là người đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhiều thế hệ sau ông ở nhiều lĩnh vực. Có thể dễ dàng kể ra một số tên tuổi tiêu biểu như: Jakobson, Milner (ngôn ngữ học), Kristeva (kí hiệu học), Barthes, Riffaterre (lí thuyết văn học), Lacan, Irigaray (phân tâm học), Derrida, Faye, Baudrillard (triết học), ... Ở Việt Nam, kể từ khi *Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương* của Saussure được dịch và xuất bản lần đầu tiên vào năm 1973 và sau đó là năm 2004, đã có nhiều bài viết khẳng định tính chất quan trọng của những tư tưởng tiên phong cho ngôn ngữ học hiện đại của Saussure. Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có ai bàn riêng về những diễn giải của Saussure về văn chương.

Năm 2016 là năm kỷ niệm 100 năm *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương* của Saussure, nhưng đó cũng là năm mà công trình *Tính hai mặt của ngôn ngữ* (*De l'essence double du langage*) của ông được công bố tròn 20 năm. Bản thảo viết tay của công trình *De l'essence*

*double du langage* được Ferdinand de Saussure thực hiện trong khoảng thời gian từ 1890 đến 1894, sau khi ông trở về Genève từ Paris sau gần 10 năm. Vào năm 1996, nghĩa là sau hơn một thế kỷ kể từ khi Saussure mất, khi gia đình ông cải tạo lại nơi ông từng ở tại Genève, họ đã tìm thấy bản thảo này. Nghiên cứu này lẽ ra chỉ gói gọn trong phạm vi đọc sách với đối tượng khảo sát là *Tính hai mặt của ngôn ngữ* do Simon Bouquet và Rudolf Engler biên soạn với sự hợp tác của Antoinette Weil dưới tiêu đề *Écrits de linguistique générale* (Những bản viết về ngôn ngữ học đại cương) [22]. Nhưng quá trình đọc công trình này đã làm mở rộng những ý nghĩ khác: tiếp cận tư tưởng của Saussure về phương diện văn chương. Đây là “cách đọc”: đi tìm những điều tưởng chừng như thứ yếu trong một tư tưởng để biện giải về vị trí và vai trò của nó đối với những vấn đề quan yếu của bản thân công trình đó cũng như những ảnh hưởng của nó đối với lịch sử. Lợi thế của “cách đọc” này là cho phép bao quát vấn đề ở mọi khía cạnh, cho phép hy vọng về một hướng mở trong nghiên cứu. Nhưng cách đọc này có nhược điểm là dễ đi vào suy diễn, áp đặt tầm quan trọng cho những vấn đề thứ yếu để làm cho chúng có vẻ cốt yếu. Nghiên cứu mong muốn mang lại một góc nhìn khác về Saussure, góc nhìn về tư tưởng của ông từ những vấn đề liên quan đến văn chương.

\* Liên hệ tác giả

Nguyễn Quốc Thắng  
Trường Đại học Thủ Dầu Một  
Email: thangfr@gmail.com

## 2. Nội dung

### 2.1. Vấn đề nghiên cứu Saussure và văn chương

Di sản của Saussure có thể được phân thành 3 dạng: những văn bản được công bố bởi chính Saussure, khi ông còn sống; *Giáo trình* được tập hợp và xuất bản sau khi ông mất bởi Charles Bally, Albert Sechehaye và Albert Riedlinger; những bản thảo viết tay của Saussure và những cuốn tập ghi chép của những sinh viên của ông, một số đã được biên tập và xuất bản, số còn lại đang được lưu giữ tại Bibliothèque de Genève và tại Houghton Library - Harvard.

Xuất hiện một cách phân mảnh, tản mác, không phải là những bản luận có tính hệ thống về lý thuyết, những nội dung về văn chương thuộc các công trình trên triển khai một số vấn đề như: nghiên cứu về các phép đảo ngữ (anagrammes), vận luật (métrique), tiếng Phạn (sanskrite), tiếng La-tinh (latin), những ghi chú về phép tác làm thơ Pháp ngữ (versification française), biên dịch thơ Hy Lạp (poème grec) và truyện dân gian Bắc Âu (saga scandinave), nghiên cứu về huyền thoại so sánh (mythologie comparée), bình luận về văn bản cổ, đánh giá về thi ca đương thời, về thể loại văn học (genres littéraires), về phong cách (le style), về những nhà văn lớn, ...Ngoại trừ những nghiên cứu về các phép đảo ngữ và về huyền thoại, Saussure xem hầu hết các vấn đề trên chỉ là những minh chứng cho một luận giải về ngôn ngữ học nào đó. Khảo sát nghiên cứu *Labibliothèque de Ferdinand de Saussure của Daniele Gambarara* [4], chúng tôi thấy số lượng của các văn bản văn chương được xem như là đối tượng nghiên cứu của Saussure khá khiêm tốn: chỉ có vài đoạn trích thuộc *Pensées* của Pascal, vài khổ thơ Hy Lạp (Aristophane), La-tinh (Lucaïn) và văn học Đức cổ điển (Walter von der Vogelweide). Nhưng chúng ta không thể phủ nhận sự hiện hữu của những tư tưởng của ông về văn chương. Tuy nhiên, tập trung bàn về những đóng góp của Saussure trong lĩnh vực văn chương, người nghiên cứu gặp phải những khó khăn như: Saussure được biết đến trước hết với tư cách là một nhà ngôn ngữ học, và cương vị ấy làm cho ông có một vị trí quan trọng trong khoa học xã hội và nhân văn từ đầu thế kỷ XX đến nay; cương vị ấy cũng choán hết sự đại diện của Saussure ở các lĩnh vực khác; bản thân ông cũng không quan tâm nhiều đến văn chương; công trình về phép đảo ngữ (Anagrammes) và về huyền thoại Giéc-ma-ni (légende germanique) của ông được xuất bản rất muộn so với

*Giáo trình* (vào năm 1971). Cũng chính vì thế, theo khảo sát của chúng tôi, trong các tạp chí nghiên cứu về ngôn ngữ và văn chương ở Châu Âu trước năm 2000, hầu như không có bài viết nào bàn riêng về Saussure và văn chương, ngoại trừ những bài điếm sách về hai công trình *Les Mots sous les mots. Les Anagrammes de Ferdinand de Saussure* (Từ dưới từ, Những phép đảo ngữ của Ferdinand de Saussure) [12] và *Cours de versification française* (Giáo trình phép làm thơ Pháp ngữ) [7]. Công trình tiêu biểu và xuất sắc của Jonathan Culler về Saussure [13] cũng không đề cập đến phương diện văn chương của nhà ngôn ngữ học mà lẽ ra phải có, vì bản thân Culler là người am hiểu về văn chương và nghiên cứu kỹ về chủ nghĩa cấu trúc và văn học [14]. Phải đến năm 2011, Hội thảo “En quoi Saussure peut-il nous aider à penser la littérature?” (Điều gì Saussure đã giúp chúng ta nghĩ về văn chương?) được tổ chức tại Université de Pau et des Pays de l'Adour – Cộng hòa Pháp thì vị trí của Saussure đối với các vấn đề khoa học về văn chương mới được khẳng định một cách rõ rệt. Ở hội thảo này, nhiều vấn đề thú vị đã được trình bày và bàn luận như: “Khái niệm kí hiệu trong nghiên cứu văn chương” (“Le concept de signe dans les études littéraires”) của Giáo sư Jean-Gérard Lapacherie, Đại học Pau et des Pays de l'Adour; “Điểm nhìn đặc trưng của văn chương là gì?” (“Qu'est-ce qu'un point de vue proprement littéraire?”) của Tiến sĩ Gérard Dessons, Đại học Paris 8; “Tư tưởng của Saussure và tính phát sinh của văn bản” (“La pensée saussurienne et la génétique des textes”) của Giáo sư Daniel Delas, Đại học Cergy - Pontoise. Đặc biệt, trong các giờ thảo luận, hầu hết các cử tọa đều quan tâm đến vấn đề văn chương viết và văn chương truyền miệng từ tư tưởng của Saussure.

Thực tế, việc vận dụng những khái niệm và những phương pháp của Saussure ở nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó có văn chương, là khá phổ biến. Các công trình của Lévi-Strauss, Lacan, Derrida được xem là những minh chứng sống động cho sự ảnh hưởng này. Trong lĩnh vực văn chương, những phát triển của Barthes từ Saussure với *Éléments de sémiologie* (Cơ sở kí hiệu học) [20] và Greimas với *Sémantique structurale* (Ngữ nghĩa học cấu trúc) [1] được xem là hai công trình tiêu biểu. Những năm gần đây, Michel Arrivé, giáo sư đại học Paris X - Nanterre đã dành nhiều bài nghiên cứu về phương diện văn chương trong các công trình của Saussure [18]. Quan điểm của Arrivé là: tư tưởng của

Saussure về văn chương chỉ thật sự rõ nét trong các công trình của ông về phép đảo ngữ, vận luật Pháp ngữ và về huyền thoại. Ông cũng lưu ý rằng, để nghiên cứu phương diện văn chương của Saussure một cách toàn diện, buộc chúng ta phải nhận thức rõ: với Saussure, khái niệm văn chương gắn chặt với chữ viết (l'écriture), trong các bản viết của Saussure, tính từ *văn chương* (littéraire) được nhà ngôn ngữ học sử dụng thay thế cho tính từ *viết* (écrit).

Chúng tôi cho rằng, trong vấn đề này, cần xác định các phạm vi nghiên cứu khác nhau để làm rõ tư tưởng của Saussure về văn chương: một là, nghiên cứu vị trí của văn chương trong các công trình của Saussure thông qua các văn bản văn chương mà Saussure lấy làm đối tượng nghiên cứu để xem xét điểm nhìn của nhà ngôn ngữ học về văn chương; hai là, những nền tảng về lí thuyết ngôn ngữ học của Saussure đối với lí thuyết văn chương; ba là, lí thuyết của Saussure trong nghiên cứu văn bản các tác phẩm văn chương. Cả ba đường hướng trên đều làm rõ những đóng góp của Saussure về phương diện văn chương. Bài viết này triển khai vấn đề thuộc phạm vi thứ nhất để đặt ra những vấn đề của phạm vi thứ hai.

## 2.2. Văn chương trong *Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương*

Là một công trình về ngôn ngữ học nhưng văn chương không hoàn toàn vắng bóng trong *Giáo trình*. Danh từ *văn chương* (littérature) xuất hiện ít nhất ba lần trong *Giáo trình* ở các trang: 62, 368 và 382<sup>1</sup>. Tuy nhiên, sự xuất hiện của nó không phải để biện giải cho những vấn đề về văn chương. Lần thứ nhất, ở trang 62,

<sup>1</sup>Các trích dẫn trong bài viết dựa vào bản dịch của dịch giả Cao Xuân Hạo [8] trong so sánh với bản tiếng Pháp của Charles Bally và Albert Sechehaye [6].

khi bàn về những yếu tố bên trong và những yếu tố bên ngoài của ngôn ngữ, Saussure cho rằng: ngôn ngữ có mối quan hệ khăng khít với các thiết chế trong xã hội, và các thiết chế này lại gắn bó mật thiết với sự phát triển văn học (le développement littéraire) của một ngôn ngữ. Đường như nền văn chương đã vạch ra cho ngôn ngữ văn học để nó có thể vượt qua những giới hạn ở mọi phương diện trong quá trình chịu ảnh hưởng của các xalông, của triều đình, của các viện hàn lâm. Nguyên văn

“La langue littéraire dépasse de toutes parts les limites que semble lui tracer la littérature: qu'on pense à l'influence des salons, de la cour, des Académies” được Cao Xuân Hạo dịch là “Ngôn ngữ văn học vượt ở khắp nơi những giới hạn mà nền văn học dường như đã dành cho nó...”, nếu không để ý, người đọc có thể hiểu nhầm “khắp nơi” ở đây là về mặt địa lý, nhất là một khi ngay sau đó Saussure bàn về sự phát triển địa dư của ngôn ngữ (l'extension géographique des langues) hoặc dễ liên tưởng đến việc Saussure bàn về những xung đột của ngôn ngữ văn học và phương ngữ ở chương II của phần thứ 4. Tuy “de toute part” có nghĩa là “khắp nơi” nhưng trong nguyên văn tiếng Pháp, từ này được viết ở dạng số nhiều nên phải được hiểu là “mọi phương diện”. Tức là một sự vượt qua có tính chất toàn thể. Chúng tôi cho rằng, sự vượt qua này thực chất là kết quả của các ca tiếp xúc (relais) giữa nền văn chương và ngôn ngữ văn học.

Trong quan niệm của Saussure, ngôn ngữ văn học có thể gọi là ngôn ngữ “trau dồi” (la langue cultivée) [8, tr.368], ngôn ngữ của sách vở (la langue du livre), trong đối lập với ngôn ngữ thông thường (langue courante), khẩu ngữ (la langue parlée) [8, tr.62]. Nó được xem là “nhân tạo” (artificiel, factice), “bên ngoài” (externe), trong đối lập với tính chất “tự nhiên” (naturel) của ngôn ngữ thường ngày (langue vulgaire). Sự phân biệt này được ông triển khai ở trang 63: “Có thể nào phân biệt sự phát triển tự nhiên, hữu cơ của một ngôn ngữ với những hình thái nhân tạo của nó như ngôn ngữ văn học, vốn do những nhân tố bên ngoài quy định, và do đó, không có tính chất hữu cơ”. Và ở trang 69, khi bàn về những ưu thế của chữ viết, Saussure đã dùng khái niệm chữ viết đồng nghĩa với khái niệm ngôn ngữ văn học: “bước vào ngưỡng cửa thời kỳ ngôn ngữ văn học”. Ông cũng phân biệt một cách rõ ràng giữa “ngôn ngữ văn học” (langue littéraire) và “ngôn ngữ (của tác phẩm<sup>2</sup>) văn chương” (langue de la littérature): “Với danh từ “ngôn ngữ văn học” chúng tôi muốn chỉ không riêng gì ngôn ngữ của văn học, mà theo một nghĩa khái quát, mọi thứ ngôn ngữ được trau dồi, dù có địa vị chính thức hay không, được cả cộng đồng ngôn ngữ sử dụng” [8, tr.368]. Nghĩa là, trong quan niệm của Saussure, ngôn ngữ văn chương được bao hàm bởi và là một bộ phận của ngôn ngữ văn học<sup>3</sup>.

Điểm đáng chú ý trong *Giáo trình* là, với Saussure, ngôn ngữ “trau chuốt” chính là sản phẩm của văn hóa

được tạo dựng trong và bởi chữ viết (l'écriture). Dường như, ở nhiều chỗ trong giáo trình, ông cho hai khái niệm chữ viết (l'écriture) và văn chương (littérature), tính từ *littéral* (thuộc chữ viết) và tính từ *littéraire* (thuộc văn chương) là một. Như thể văn chương có ngữ nguyên từ chữ viết. Bằng chứng là: ở trang 75, khi bàn về hậu quả của tình trạng không ăn khớp giữa cách viết và cách phát âm trong đó có vấn đề sự võ đoán của chữ viết tác động đến ngôn ngữ và làm cho ngôn ngữ thay đổi, ông phát biểu: “Hiện tượng này chỉ xảy ra trong những ngôn ngữ rất văn học, trong đó tài liệu chữ viết đóng một vai trò quan trọng”.

Quan niệm về mối quan hệ giữa ngôn ngữ văn học và chữ viết này nhất quán với những luận điểm khác trong giáo trình, trong đó nổi bật nhất là vấn đề ngôn ngữ văn học không chữ viết (la langue littéraire sans écriture) mà Saussure bàn luận sau khi ông chất vấn: Liệu mọi ngôn ngữ phổ thông có nhất thiết giả định việc sử dụng chữ viết không? Ông chứng minh bằng trường ca của Homère để kết luận rằng “tuy những thiên trường ca này đã ra đời ở một thời đại mà người ta không dùng đến hoặc hầu như không dùng đến chữ viết, ngôn ngữ của nó vẫn có tính chất ước định và thể hiện rõ rệt tất cả những đặc tính của một ngôn ngữ văn học” [8, tr.369].

Hai dẫn chứng khác liên quan đến văn bản văn chương mà Saussure nêu ra để luận giải về những sáng tạo từ vựng trong giáo trình là về Rousseau [8, tr.318] -

<sup>2</sup>Chúng tôi thêm vào nhằm chỉ rõ khái niệm.

<sup>3</sup>Nhân đây, chúng tôi xin lưu ý trường hợp một tác phẩm văn chương sử dụng phương ngữ làm chất liệu. Lúc đó, phương ngữ trở thành một dạng “biệt ngữ nghệ thuật”. Nó là kết quả của quá trình thiết lập kiểu biểu đạt thứ hai, đây nghĩa liên tưởng, hay nói đúng hơn, nó tồn tại với tư cách là các mã kiến tạo các thông điệp mới.

đã sử dụng *traisait* thay cho *trayait* với tư cách là thể quá khứ tiếp diễn của *traire* và Lactance [8, tr.320] - đã cấu tạo *meridionalis* thay cho *meridialis*.

Văn chương còn xuất hiện trong phần bàn luận về vai trò của các di bản thơ ca đối với việc tìm hiểu cách phát âm trong tiếng Hy Lạp và tiếng Pháp cổ [8, tr.87]. Tuy nhiên, tất cả đều chỉ là những minh chứng cho mục đích luận giải ngôn ngữ học, cụ thể hơn là ngôn ngữ văn

học chứ không phải ngôn ngữ (của tác phẩm) văn chương. Nhưng có một điều cần khẳng định rằng, với Saussure, trong bất cứ công trình nào, đều có sự hiện diện của văn bản văn chương, ngay cả trong những công trình thuần túy ngôn ngữ học.

### 2.3. Văn chương trong công trình *Tính hai mặt của ngôn ngữ*

Về tính hai mặt của ngôn ngữ mang lại cho chúng ta một cái nhìn chi tiết hơn về tư tưởng của Saussure so với những bản chép các bài giảng do sinh viên của ông thực hiện. Chính vì thế, sự xuất hiện của công trình này đã giúp giới chuyên môn có cái nhìn toàn diện về tư tưởng của Saussure.

Công trình đưa ra những cách nhìn về khoa học ngôn ngữ trong tương lai mà ông gọi là “kí hiệu học” (sémiologie)<sup>4</sup>. Ông viết: “Kí hiệu học = hình thái học, ngữ pháp, nghiên cứu sự đồng nghĩa, tu từ học, phong cách học, từ vựng học,... *tất cả đều không thể tách biệt.*” (Nguyên văn: “Sémiologie = morphologie, grammaire, synonymie, rhétorique, stylistique, lexicologie, etc., *le tout étant inséparable.*” [22, tr.20]). Trong *Giáo trình*, Saussure cũng bàn đến kí hiệu học ở chương III “Đối tượng của ngôn ngữ học”. Tuy nhiên, ở đó, ông chỉ nhìn nhận một cách tổng thể, rằng nó sẽ là một bộ phận của tâm lý học xã hội nghiên cứu các kí hiệu trong lòng sinh hoạt xã hội. Hai luận giải này cho phép nghi ngờ về câu kết của giáo trình do các sinh viên chép lại: “đối tượng duy nhất và chân thực của ngôn ngữ học là ngôn ngữ, xét trong bản thân nó và vì bản thân nó” [8, tr.436]. Bởi, theo Saussure, không thể tách rời mọi mặt xã hội và liên chủ thể (intersubjectif, nghĩa là phương diện “diễn ngôn” - thuật ngữ cơ bản của Saussure) trong “ngôn ngữ học về ngôn ngữ”.

<sup>4</sup>Trong công trình, nhiều lần ông dùng *signologie* để chỉ kí hiệu học, thay cho *sémiologie*.

Nội dung cơ bản của công trình chính là những giải thích về tính chất hai mặt trong sự hiện hữu của kí hiệu (double existence du signe), tức kí hiệu được hiện thị cùng lúc trong tinh thần và trong đời sống vật chất. “Ngôn ngữ được tạo dựng bởi những đối tượng bên ngoài nào đó mà tinh thần sử dụng như là những kí hiệu”. (Nguyên văn: “la langue est formée par un certain nombre d’objets extérieurs que l’esprit utilise comme

signes”, [22, tr.213]). Theo Saussure, một mặt, kí hiệu tồn tại ngoài tính lịch sử của hình thức (l’historicité des formes), bằng sự kết hợp của tinh thần với một ý tưởng, không cần đến sự tương ứng với tính nhất quán thuộc tinh thần hay một khái niệm được xác định một cách tiên nghiệm trong nội dung của nó. Từ điểm nhìn về sự tồn tại một cách máy móc của các kí hiệu, Saussure đã khẳng định rằng “không có gì chung giữa một kí hiệu và những gì mà nó biểu đạt” [22, tr.20]. Nhưng mặt khác, kí hiệu lại được lĩnh hội trong sự biểu thị có tính lịch sử của nó và nghèo nàn trong sự biểu đạt bởi tự nó không được vạch ra được ranh giới cho mình. “Nếu mọi thứ vật chất đều là một kí hiệu, nếu ngôn ngữ tồn tại ngoài chúng ta và ngoài ngoài tinh thần” (Nguyên văn: “Si toute chose matérielle est pour nous un signe, donc si le langage existe hors de nous et de l’esprit”, [22, tr.64]). Vậy thì, với nhà ngôn ngữ học, đối tượng vật chất không tồn tại, như là một thứ gì đó tự nó. Kí hiệu là một phần của một tổng thể kí hiệu, trong sự tồn tại thứ hai có tính vật chất này, nó chỉ là tổng hợp của những sự khác biệt và đối lập. Ở chỗ khác, Saussure kết luận rằng: “Ngôn ngữ chỉ được nuôi dưỡng trong bản chất của nó bằng những sự đối lập, bằng một tập hợp của các giá trị phủ định.” (Nguyên văn: “la langue ne s’alimente dans son essence que d’oppositions, d’un ensemble de valeurs parfaitement négatives” [22, tr.71]). Kết luận này thống nhất với tư tưởng của ông ở những phần khác khi bàn về ngôn ngữ. Chẳng hạn, với ông, “ngôn ngữ có tính xã hội, hoặc là nó không tồn tại” (Nguyên văn: “la langue est sociale, ou bien n’existe pas” [22, tr.298]); “ngôn ngữ tồn tại giữa con người, nó mang tính xã hội” (“la langue court entre les hommes, elle est sociale”, [22, tr.94]); ngôn ngữ là một “thiết chế thuần túy không giống nhau” (“une institution pure sans analogue” [22, tr.211]).

Ông cũng bàn về sự lưu chuyển của lời nói, “mọi ngôn ngữ trước hết đi vào tinh thần của chúng ta bằng diễn ngôn”. Khi trình bày về các phạm vi của ngôn ngữ nơi mà có sự ngự trị của “vòng xoáy của những ký hiệu” (“le tourbillon des signes”), ông dành nhiều trang bàn về diễn ngôn. Điểm đáng chú ý nhất là khi ông cho rằng “diễn ngôn và tính xã hội không phải là những thực tế tách biệt: chúng là hai cách thức làm rõ đặc tính về cùng một đối tượng, hệ thống ký hiệu tạo lập nên ngôn ngữ” (“le discursif et le social ne sont pas des réalités distinctes: ils sont deux manières de caractériser la même chose, le système de signes constitutif de la

langue” [22, tr.117]). Kí hiệu vừa tồn tại trong tinh thần của chúng ta và vừa bằng mối liên đới có tính xã hội và đối với sự tạo thành của một ngôn ngữ cũng vậy. Ông cũng xem xét phạm trù “langue discursive” với tư cách là một phương cách đặc trưng hóa diễn ngôn” [22, tr.118].

Khó mà trình bày hết được những kiến giải về ngôn ngữ của Saussure ở *Tính hai mặt của ngôn ngữ* trong một bài viết ngắn. Chúng tôi xin tập trung vào vấn đề: đâu là vị trí của văn chương trong công trình này? Khác với *Versification française* (Phép làm thơ Pháp ngữ) [7], và *Les Anagrammes* (Các phép đảo ngữ) [12], cũng như *Giáo trình, Tính hai mặt của ngôn ngữ* không trích dẫn nhiều văn bản văn chương<sup>5</sup>. Từ góc nhìn khác, liệu có thể đặt ra câu hỏi: *Tính hai mặt của ngôn ngữ* mang lại cơ sở lý thuyết nào cho nghiên cứu văn chương? Xin tập trung vào hai trong nhiều khái niệm cơ bản của công trình: vấn đề huyền thoại (mythologie) và biểu tượng (symbole).

Trong công trình này, Saussure dành nhiều chương để bàn về huyền thoại. Thông qua văn bản huyền thoại Ấn Độ, ông đặt ra vấn đề: dựa trên những điều kiện nào mà vị thần trong một huyền thoại có thể đạt tới cương vị “thánh hóa tuyệt đối như Varuna”, mà lẽ ra phải “lưu chuyển trong thế giới vĩnh cửu của sự thánh hóa như Ushas”? “Điều gì đã giữ vững sự thay đổi vừa cơ bản vừa xác thực trong huyền thoại”? Theo Saussure, huyền thoại là một sự kiện *thuần túy ngôn ngữ*, nhưng lại không hề biểu hiện trong những biến cố ngôn ngữ hằng ngày. Điều này dựa vào tính chất ngẫu nhiên (accident) dẫn đến sự cắt đứt giữa *danh từ* (le nom) với *đối tượng cảm tính* (“objet sensible”, tức là “le référent” - “sự quy chiếu”). Tính ngẫu nhiên phổ mặc cho sự kiện ngôn ngữ

<sup>5</sup>Trong giáo trình *Versification française*, Saussure trích dẫn một số lượng lớn các nhà thơ Pháp, từ Villon đến Hugo và Musset, các văn bản thơ của Marot, Ronsard, La Fontaine, Racine, Corneille, Voltaire được phân tích một cách kỹ càng.

thứ nhất xảy ra, và không có liên đới cần thiết với phạm vi của những tư tưởng huyền thoại. (Nguyên văn: “[...] accident qui est à la merci du premier fait de langue venu, et sans rapport nécessaire avec la sphère des idées mythologiques” [22, tr. 221]).

Như vậy, cương vị thánh hóa của nhân vật huyền thoại phụ thuộc vào “tính ngẫu nhiên” mà Saussure gọi

đó là “sự kiện ngôn ngữ” (le fait de langue), tức thực ra đối với ông là “sự kiện lời nói” (fait de parole). Nhưng chính sự kiện ngôn ngữ này lại cho nó vị trí độc quyền bằng cách chia cắt vị thần với đối tượng cảm tính đã từng có khả năng chỉ định trước đó. Tính ngẫu nhiên này có thể xảy ra bất cứ lúc nào và có thể can thiệp đến vai trò của mọi chủ thể nói năng (le sujet parlant).

Saussure cho rằng:

“Mỗi nhân vật huyền thoại là một biểu tượng mà chúng ta có thể làm đa dạng hóa nó hết như hệ thống bảng chữ cái cổ Giéc-ma-ni - a) tên gọi, b) vị trí đối diện với những nhân vật khác, c) tính chất, d) chức năng, hành động. Nếu một tên gọi được chuyển vị, nó có thể tiếp tục thì một phần của những hành động được chuyển vị và ngược lại, hoặc là quá trình có thể thay đổi toàn bộ bởi một sự ngẫu nhiên của thể loại này”. (Nguyên văn: “Chacun des personnages de la légende est un symbole dont on peut faire varier - exactement comme pour la rune - a) le nom, b) la position vis-à-vis des autres, c) le caractère, d) la fonction, les actes. Si un nom est transposé, il peut s’ensuivre qu’une partie des actes sont transposés et réciproquement, ou que le drame tout entier change par un accident de ce genre”) [6, tr.131].

Thuật ngữ *symbole* được Saussure bàn đến nhiều lần trong *Tính hai mặt của ngôn ngữ*, đặc biệt là những phần liên quan đến quan điểm ngôn ngữ học của Whitney<sup>6</sup>. Thuật ngữ *symbole* mà chúng tôi chuyển ngữ là *biểu tượng* trong công trình này không mang ý nghĩa như thuật ngữ *symbole* được Cao Xuân Hạo dịch là *biểu trưng* trong *Giáo trình*. Ở đó, *biểu trưng* được dùng để phân biệt với *kí hiệu* (signe): “khác với kí hiệu, biểu trưng không bao giờ hoàn toàn vô đoán, nó không phải là trống rỗng, nó có một yếu tố tương quan nào đó giữa biểu và sở biểu” [8, tr.142]. Ngược lại, thuật ngữ *biểu tượng* được Saussure sử dụng với tư cách là một *kí hiệu* trong *Tính hai mặt của ngôn ngữ*. “Nhân vật huyền thoại” (personnage de la légende) là một biểu tượng được xem xét như là đối tượng của kí hiệu học. Saussure cho rằng nhân vật huyền thoại, một “hữu thể không tồn tại” (être inexistant) chỉ là sự kết hợp của một sự giới hạn với các nét tạo lập như đã trình bày trên đây. Sự kết hợp này tương tự với sự kết hợp của hệ thống bảng chữ cái cổ Giéc-ma-ni (la rune)<sup>7</sup>: một chữ cái tương ứng với một cái biểu đạt. Biểu tượng, cũng như hệ thống bảng chữ cái này có đủ khả năng để cho những

cái được biểu đạt (như tên gọi, vị trí, tính chất, chức năng, hành động,...) trượt đi (laisser glisser) qua dưới nó. Sự trượt đi này hoạt động trong trục lịch đại. Đây là điểm mà Saussure đề xuất ý niệm về cái được biểu đạt và cái biểu đạt như một trong những từ để chia cắt một chuỗi liên tục, một dòng. Có hai chuỗi liên tục: các âm thanh và các ý nghĩa. Sự hình thành của ngôn ngữ xuất phát từ việc nó tách lọc một phần từ chuỗi âm thanh và ý nghĩa, trong đó, cái biểu đạt (le signifiant) là hình ảnh âm thanh và cái được biểu đạt (le signifié) là khái niệm. Những lí giải này của Saussure ảnh hưởng trực tiếp đến Lacan khi ông xác định sự trượt đi của cái biểu đạt trên chuỗi liên tục, trên một trường (champ) mà từ đó cái được biểu đạt được lựa chọn [10]. Ngược lại, với Saussure, cái biểu đạt không bao giờ trượt đi trên chuỗi liên tục của cái được biểu đạt.

Có thể nói, Saussure đã đặt ra một cách rõ ràng sự tương đồng giữa ngôn ngữ và huyền thoại. Ông cho rằng: “Điều làm nên cương vị của huyền thoại cũng như ngôn ngữ chính là buộc chúng chỉ phụng sự những yếu tố mang lại trước nó và một ý nghĩa nào đó, chúng hợp nhất nó và liên tục tách ra từ nó một ý nghĩa mới.” (Nguyên văn: “Ce qui fait la noblesse de la légende comme la langue, c’est que condamnées l’une et l’autre à ne se servir que d’éléments apportés devant elles et d’un sens quelconque, elles les réunissent et en tirent continuellement un sens nouveau.” [6, tr.307]). Sự tương

<sup>6</sup>(1827-1894), nhà ngữ học Mỹ, tác giả của công trình *Cuộc sống của ngôn ngữ* (1875), người đặt nền móng cho trường phái Tân văn phạm (Néogrammairiens). Trong *Giáo trình*, Saussure cũng nhắc đến những đóng góp của Whitney khi bàn về đối tượng của ngôn ngữ học [8, tr.44].

<sup>7</sup>Được xem là bảng chữ cái cổ nhất mà cộng đồng Giéc-ma-ni sử dụng trong khoảng thời gian từ thế kỉ thứ II đến thế kỉ thứ VIII, còn gọi là *fuhark*.

đồng này có thể được phân tích một cách thấu đáo hơn từ phương diện kí hiệu học. Đây cũng là vấn đề cần giải đáp thỏa đáng: đối với Saussure, văn bản huyền thoại có phải là văn bản văn chương hay không và từ Saussure, có thể đặt ra vấn đề về nền tảng lí thuyết kí hiệu học về huyền thoại hay không?

## 2.4. Những vấn đề đặt ra

Rõ ràng, không phải trong các công trình của Saussure có sự xuất hiện của các văn bản văn chương là hiển nhiên có thể đặt ra vấn đề nghiên cứu văn chương từ tư tưởng của ông. Không phải bất cứ đối tượng nào của một nhà nghiên cứu đều đặt ra được những vấn đề về phương pháp luận của lý thuyết. Trong nội dung này, chúng ta cần phân biệt các phạm vi như đã trình bày ở mục 1. Mặt khác, cần có cái nhìn toàn cảnh về tư tưởng của Saussure thông qua các công trình của ông. Sự xuất hiện của công trình *Tính hai mặt của ngôn ngữ* của Saussure đặt ra những vấn đề như sau:

**2.4.1.** “Đối tượng duy nhất và chân thực của ngôn ngữ học là ngôn ngữ, xét trong bản thân nó và vì bản thân nó.” - câu khép lại giáo trình *Ngôn ngữ học đại cương* này lâu nay được xem là định nghĩa cơ bản về ngôn ngữ học của Saussure. Tuy nhiên, ngày nay, nhiều nhà nghiên cứu đặt nghi vấn về định nghĩa được lấy lại từ văn bản của Franz Bopp (1791-1867) này bởi nó không ăn nhập với tư tưởng của Saussure về ngôn ngữ học [11, tr. 23]. Thứ nhất, điều này ngược lại với những giải thích của Saussure về những vấn đề cơ bản trong tư tưởng của ông như: phương diện xã hội (le côté social) và liên chủ thể (intersubjectif), tức phạm vi diễn ngôn (discours) không thể tách rời (indissociable - Saussure nhấn mạnh) với ngôn ngữ học về ngôn ngữ. Nó cũng ngược lại với việc Saussure dự đoán về viễn cảnh của khoa học ngôn ngữ mà ông gọi là kí hiệu học trong *Tính hai mặt của ngôn ngữ* khi ông định nghĩa kí hiệu học bao gồm: hình thái học, ngữ pháp, nghiên cứu sự đồng nghĩa, tu từ học, phong cách học, từ vựng học, ..., tất cả đều không thể tách biệt (le tout étant inséparable - Saussure nhấn mạnh). Thứ hai, sự phân biệt giữa ngôn ngữ và lời nói là giả thuyết cơ bản trong tư tưởng của Saussure nhưng nó lại không thống nhất với quan điểm nghiên cứu một cách biệt lập chỉ ngôn ngữ hay chỉ lời nói của ông.

**2.4.2.** *Tính hai mặt của ngôn ngữ* chỉ rõ rằng:

“Câu chỉ tồn tại trong lời nói, trong diễn ngôn, trong khi từ là một đơn vị tồn tại ngoài mọi diễn ngôn của phạm vi tinh thần” (Nguyên văn: “La phrase n'existe que dans la parole, dans langue discursive, tandis que le mot est une unité vivant en dehors de tout discours dans le tissu mental” [22, tr.107]).

Trong phần *Note sur le discours* (Ghi chú về diễn ngôn), Saussure cũng cho rằng:

“Ngôn ngữ được tạo ra chỉ với mục đích diễn ngôn, nhưng điều gì phân tách diễn ngôn và ngôn ngữ, hay điều gì, trong nhiều thời điểm, cho phép nhận định rằng ngôn ngữ đi vào hoạt động như diễn ngôn? (Nguyên văn: “la langue n'est créée qu'en vue du discours, mais qu'est-ce qui sépare le discours de la langue, ou qu'est-ce qui, à un certain moment, permet de dire que la langue entre en action comme discours?” [22, tr.117]).

Quan điểm này chính là kiến giải đặc trưng và cơ bản nhất của Saussure về ngôn ngữ. Theo Daniel Delas, tinh thần ghi chép của Bally và Sechehayé ảnh hưởng mạnh mẽ đến ngôn ngữ học cấu trúc những năm 60 của thế kỷ XX (mà ông gọi là “sự trượt dài về hình thức” - la dérive formaliste) trong việc loại trừ ý nghĩa, ngữ nghĩa và chủ thể; thường được cho là gợi hứng từ Saussure nhưng thực tế lại đi ngược lại những gì Saussure đã nghĩ và đã viết [3]. Lí do là những bản viết tay của Saussure chỉ mới được phát hiện sau này.

Như vậy, một khi chấp thuận phương diện diễn ngôn của ngôn ngữ thì hoàn toàn có thể đặt ra vấn đề nghiên cứu diễn ngôn văn chương từ tư tưởng của Saussure. Bởi, văn chương, với nghĩa rộng nhất chính là sự tập hợp của các diễn ngôn văn hóa vận hành dựa vào sự tạo nghĩa. Mặt khác, việc Saussure đưa ra những viện dẫn liên quan đến văn chương trong *Giáo trình* và trong *Tính hai mặt của ngôn ngữ* cho phép khẳng định rằng những yếu tố đó đóng vai trò quan trọng cho nhà ngôn ngữ học xây dựng hướng ngôn ngữ học về lời nói, hay suy rộng ra là ngữ nghĩa học và thi pháp học. Một nền thi pháp thực thi trên những văn bản văn chương và quan trọng hơn là trên sự sản sinh của diễn ngôn.

Những nghiên cứu về phương diện văn chương của Saussure sẽ mang lại những phát hiện mới về tư tưởng của ông, hay nói cách khác, một Saussure “double” hiểu theo hai khía cạnh: một Saussure ngôn ngữ học và một Saussure văn chương; một Saussure trên bục giảng và một Saussure với những suy tưởng riêng biệt.

**2.4.3.** *Tính hai mặt của ngôn ngữ* cho phép khẳng định: Saussure là người đã đặt ra những vấn đề quan yếu trong nghiên cứu kí hiệu học về huyền thoại. Điều đó hoàn toàn thống nhất với tư tưởng của ông ở những

công trình khác. Chẳng hạn, trong *Le Leggende germaniche*, Saussure từng cho rằng:

“Đúng là khi đi đến tận cùng của vấn đề, chúng ta nhận ra rằng, trong lĩnh vực này, cũng như trong lĩnh vực họ hàng của ngôn ngữ học, rằng mọi điều bất hợp lí của tư tưởng đều xuất phát từ một sự suy ngẫm chưa đầy đủ về tính đồng nhất khi một hữu thể không tồn tại như từ, hay là nhân vật huyền thoại, hay là một chữ trong bảng chữ cái chỉ là những khác biệt về hình thức của kí hiệu về mặt ý nghĩa triết học.” (Nguyên văn: “Il est vrai qu'en allant au fond des choses, on s'aperçoit, dans ce domaine, comme dans le domaine parent de la linguistique, que toutes les incongruités de la pensée proviennent d'une insuffisante réflexion sur ce qu'est l'identité lorsqu'il s'agit d'un être inexistant comme le mot, ou la personne mythique, ou une lettre de l'alphabet qui ne sont que différentes formes du signe au sens philosophique” [6, tr.191])

Chúng ta thấy, với Saussure, ba đối tượng: từ của ngôn ngữ, chữ của hệ thống bảng chữ cái và nhân vật huyền thoại chỉ là sự khác biệt về hình thức của kí hiệu. Đây là điểm trọng tâm trong việc xây dựng một khoa học mới là kí hiệu học của Saussure. Thuật ngữ được cấu tạo bởi phép nghịch dụ (oxymore/oxymoron) “être inexistant” không nhằm chỉ từ, chữ, nhân vật huyền thoại không tồn tại. Ngược lại, chúng tồn tại rõ ràng. Nhưng không có bất cứ sự tồn tại nào về mặt chất liệu (existence substantielle). Bởi những biểu hiện khác nhau của kí hiệu, về mặt ý nghĩa triết học, chỉ được cấu thành bởi tính tạm thời và ngẫu nhiên của các nét có thể tách rời bất cứ lúc nào. Tư tưởng của Saussure không chỉ cho phép đặt ra nhiều giả thuyết nghiên cứu xác đáng về vấn đề văn bản tác phẩm huyền thoại mà còn cho phép hy vọng tìm thấy những thông điệp tồn tại nơi biên giới của ngôn ngữ, mà tiêu biểu là các hình thức diễn ngôn văn chương.

### 3. Kết luận

Trong hơn một thế kỷ qua, khi nhắc đến Saussure, những “doxa” vững chắc đã ngự trị suy nghĩ chúng ta đại loại như: với Saussure, đối tượng của ngôn ngữ học là ngôn ngữ; Saussure xây dựng một hệ thống ngôn ngữ dựa trên sự phân tích trừu tượng; Saussure bỏ qua lời nói, cú pháp học và ngữ nghĩa học; Saussure tách biệt

ngôn ngữ học nội tại và ngôn ngữ học ngoại tại,... Những “doxa” này đã hạn chế hướng mở trong nghiên cứu về tư tưởng của Saussure và từ tư tưởng của Saussure, trong đó có vấn đề văn chương. Có phải Saussure không hiện diện về phương diện văn chương bởi văn bản của ông bàn về văn chương không mang lại một hệ thống lí thuyết toàn vẹn và đúng nghĩa? Cần phải chất vấn để khẳng định một lần nữa: Từ Saussure, chúng ta nghĩ gì về văn chương? Tư tưởng của Saussure cho phép chúng ta tư duy về văn chương bởi ông ta chú trọng những tư liệu gốc để nghiên cứu hiện tượng văn chương với những chức năng của nó. Mặt khác, tính mới của hoạt động ngôn ngữ trong văn bản văn chương sẽ được khai mở thông qua những nghiên cứu về phương diện diễn ngôn. Lời kết của Roman Jakobson trong *Ngôn ngữ học và thi pháp học* khẳng định sự đúng đắn của Saussure cũng như xác định hướng đi của nghiên cứu ngữ văn theo tinh thần hiện đại, rằng một nhà ngôn ngữ học thờ ơ với chức năng thơ của ngôn ngữ, cũng như một nhà nghiên cứu văn học thờ ơ với những vấn đề của ngôn ngữ học, xa lạ với các phương pháp ngôn ngữ học là một hiện tượng lỗi thời quá mức [21, tr.248].

### Tài liệu tham khảo

- [1] Algirdas Julien Greimas (1966), *Sémantique structurale*, Paris, Larousse.
- [2] Ann Jefferson and David Robey (1986), *Modern Literary Theory: A Comparative Introduction*, Batsford Academic and Education Ltd, London.
- [3] Daniel Delas (2005), *Saussure, Benveniste et la littérature*, Langages, Volume 39, N. 159 pp. 56-73.
- [4] Daniele Gambarara (1972), *Labibliothèque de Ferdinand de Saussure*, Genava, 20, pp. 316-368.
- [5] Ferdinand de Saussure (1916), *Cours de linguistique générale*, Charles Bally, Albert Sechaye, éd., Albert Riedlinger, collab., Lausanne/Paris, Payot.
- [6] Ferdinand de Saussure (1985), *Le Leggende germaniche*. Ed. A. Marinetti and M. Meli. Este: Zielo.
- [7] Ferdinand de Saussure (1911), *Versification française*, manuscrit, Bibliothèque de Genève.
- [8] Ferdinand de Saussure (2004), *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, Cao Xuân Hạo dịch, NXB Khoa học xã hội.
- [9] Henri Meschonnic (1970), *Pour la poétique I*, Paris Seuil.
- [10] Jacques Lacan (1966), *Écrits*, Paris: Seuil.



- [11] Jacques - Philippe Saint-Gerand (2013), “Émile Benveniste, Dernières leçons. Collège de France 1968 et 1969”, Questions de communication, 23, 423-425.
- [12] Jean Starobinski (1971), Les Mots sous les mots. Les Anagrammes de Ferdinand de Saussure, essai, Paris, Gallimard, Coll. “Le chemin”.
- [13] Jonathan Culler (1987), Saussure, London: Fontana.
- [14] Jonathan Culler (2002), Structuralist Poetics: Structuralism, Linguistics, and the Study of Literature, Routledge Classics.
- [15] J.-L. Chiss et G. Dessons (2005), “Linguistique et poétique du discours à partir de Saussure”. Langages, 159, Paris, Larousse.
- [16] Julia Kristeva (1969), Séméiotiké: Recherches pour une sémanalyse, Paris, Seuil.
- [17] Michael Riffaterre (1979), La production du texte, Paris, Seuil.
- [18] Michel Arrivé (2016), Saussure retrouvé, Paris, Classiques Garnier, coll. Domaines linguistiques.
- [19] Roland Barthes (1957), Mythologie, Paris, Éditions du Seuil.
- [20] Roland Barthes (1964), Éléments de sémiologie, Communications, 4, pp.91-134.
- [21] Roman Jakobson (1963), “Linguistique et poétique”, Essais de linguistique générale 1, Paris, Éditions de Minuit, p.209-248.
- [22] Simon Bouquet et Rudolf Engler (2002), Écrits de linguistique général, Les Éditions Gallimard, Paris.
- [23] Simon Bouquet (2005), “Après un siècle, les manuscrits de Saussure reviennent bouleverser la linguistique”, Revue Texto, Juin.

### SAUSSURE AND LITERATURE: THE CASE OF *COURSE IN GENERAL LINGUISTICS* AND *THE DOUBLE ESSENCE OF LANGUAGE*

**Abstract:** From the location of *different* spheres to clarify Saussure's thoughts concerning literature such as the position of literature in Saussure's texts, Saussure's *linguistically theoretical foundations for literary theory*, this article focuses on analyzing the contents related to literature in *Course in General Linguistics* and *The Double Essence of Language*. On this basis, we point out some issues for researching literature from Saussure's thoughts. The analysis enables us to affirm the importance of linguistics in doing literary research and the role of literary texts in linguistic study.

**Key words:** Ferdinand de Saussure; *Course in General Linguistics*; *The Double Essence of Language*; literature; discourse; myth semiotics.